

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**



---

**HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2013**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 31

1-C.  
-Y  
ƯU H  
TÍNH  
AM  
P.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

**Danh sách cổ đông sáng lập**

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1	Trần Anh Vương	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
2	Vũ Hữu Trí	P9 - TT144 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
3	Tạ Thu Hằng	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	130.000
4	Nguyễn Hữu Bảo	Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	126.000
5	Phạm Cường	Công ty Thương nghiệp tổng hợp Thái Bình	170.000

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyên phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;  
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán: BVG

**Các Công ty con của Công ty gồm :**

- Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt  
Địa chỉ: Km7, quốc lộ 18, xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh  
Tel: (84 - 241) 3617 331 Fax: (84 - 241) 3617 332
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt  
Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình  
Tel: (84 - 036) 3759 392 Fax: (84 - 036) 3759 392
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt  
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh  
Tel: (84 - 241) 3617 933 Fax: (84 - 241) 3617 579

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng. Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**



**Trần Anh Vương**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013

10  
C  
TRÁC  
KIỂM  
1

Số : 561...-13/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2013

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 được lập ngày 18 tháng 07 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2012 đã có ý kiến ngoại trừ về việc ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng tăng phải thu khác 48.000.000.000 đồng, giảm khoản đầu tư vào công ty con 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cũng như không thu thập được thêm các bằng chứng kiểm toán để lượng hóa ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên. Ngoài ra Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu quá hạn với khoản công nợ trên. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về vấn đề nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty.
- Như đã thuyết minh tại mục VIII.1.1, trong kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013, trên 90% doanh thu từ hoạt động bán tài sản của công ty là Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt và đây được coi là đơn vị liên kết theo quy định tại thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các giao dịch này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài sự kiện nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

20  
ÔN  
NH  
TOÁN  
IỆ  
ĐIẢ

Báo cáo soát xét được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và tám (08) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 07 bản tiếng Việt và 07 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Cao Thị Hà**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1787-2013-034-1

228-6  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ  
VIỆT NAM  
- TP.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2013	01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>116.508.190.453</b>	<b>195.107.275.212</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.207.766.074</b>	<b>392.190.328</b>
1 Tiền	111	V.1.	2.207.766.074	392.190.328
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.773.688.279</b>	<b>176.158.690.690</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	58.714.129.919	127.999.511.278
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	50.000.000	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	48.389.032.656	50.356.308.036
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.379.474.296)	(2.197.128.624)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.732.543.887</b>	<b>17.324.213.234</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	8.732.543.887	17.324.213.234
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>794.192.213</b>	<b>1.232.180.960</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		366.000.000	794.854.080
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	36.483.280	36.483.280
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	391.708.933	400.843.600
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>86.909.324.699</b>	<b>73.563.772.570</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>712.110.978</b>	<b>1.443.709.141</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	496.903.246	1.228.501.409
- Nguyên giá	222		7.464.923.056	12.857.427.124
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.968.019.810)	(11.628.925.715)
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	215.207.732	215.207.732
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.7.	<b>86.197.213.721</b>	<b>72.120.063.429</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		90.302.205.013	76.611.205.013
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.179.936.000	22.179.936.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.368.243.996
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(30.653.171.288)	(31.039.321.580)
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>203.417.515.152</b>	<b>268.671.047.782</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2013	01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>110.724.461.273</b>	<b>180.108.839.884</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.724.461.273</b>	<b>180.108.839.884</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	94.708.823.782	158.835.088.891
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	4.009.418.564	14.594.661.131
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	-	4.495.086
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	2.119.112.058	360.064.911
5 Phải trả người lao động	315		162.106.000	187.368.000
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	8.947.692.095	5.056.455.808
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	435.181.170	685.925.453
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		342.127.604	384.780.604
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>92.693.053.879</b>	<b>88.562.207.898</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12.</b>	<b>92.693.053.879</b>	<b>88.562.207.898</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	6.719.029.425
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.137.798.402
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	150.037.319
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(29.326.662.067)	(33.457.508.048)
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>203.417.515.152</b>	<b>268.671.047.782</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	36.213.277.394	192.327.338.134
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.14.	51.218.436	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	36.162.058.958	192.327.338.134
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	37.233.522.822	188.901.364.865
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(1.071.463.864)	3.425.973.269
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	4.919.683.897	11.262.703.760
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	6.501.532.762	12.494.696.622
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.858.218.497	12.192.602.318
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.6	3.590.773.223	4.833.408.608
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(6.244.085.952)	(2.639.428.201)
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.7	10.818.277.125	11.044
12 Chi phí khác	32	VIII.2.8	443.345.192	966
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.374.931.933	10.078
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.130.845.981	(2.639.418.123)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.130.845.981	(2.639.418.123)

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		97.411.416.626	173.359.955.326
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(30.885.981.218)	(183.910.121.924)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.174.327.648)	(1.729.874.725)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.235.744.158)	(12.192.602.318)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(24.964.421)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.804.919.062	2.866.500.935
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.387.354.831)	(5.319.829.720)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>64.532.927.833</b>	<b>(26.950.936.847)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.818.277.125	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.691.000.000)	(1.293.049.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.919.683.897	22.694.045
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.046.961.022</b>	<b>1.079.644.645</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29.793.489.273	165.126.317.961
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(94.557.802.382)	(139.776.878.503)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(64.764.313.109)</b>	<b>25.349.439.458</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.815.575.746</b>	<b>(521.852.744)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		392.190.328	1.213.619.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.207.766.074</b>	<b>691.767.086</b>

22  
T  
MHI  
A B  
NA  
T

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc  
  
Trần Anh Vương



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;  
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)./.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

10/01/2013  
Y  
U.H.  
NH C  
M  
2/2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2013 tại thuyết minh số VI.21.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

T. T. N. V. N.  
H. N. I.  
H. A. N. O. I.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)**

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**  
**(tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
Phần mềm máy vi tính	4

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của các khoản đầu tư dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2013, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty đã tiến hành trích lập bổ sung dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, thời gian và lãi suất vay.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, doanh thu gia công kết cấu thép, cắt thép và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào thông báo chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

5/12/13  
CÔ  
CH NH  
ATOÁ  
VIỆ  
31/12/13



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các chi phí thực tế để mua sắm và xây dựng của dự án Logistic Bắc Ninh, dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp

**12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**12.4 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	21.048.249	14.158.518
Tiền gửi ngân hàng	60.208.825	378.031.810
<b>Tiền VND</b>	<b>52.227.059</b>	<b>286.678.048</b>
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	2.566.352	1.394.319
Ngân hàng NN&PT Nông thôn	-	4.923.976

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

(tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	1.001.700	7.092.300
Ngân hàng Indovina -CN Mỹ Đình	43.565.351	14.754.991
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Hà Nội	3.734.988	257.008.831
Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	1.358.668	1.503.631
<b>Tiền ngoại tệ</b>	<b>7.981.766</b>	<b>91.353.762</b>
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	2.794.301	2.794.301
Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	3.098.962	3.097.710
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long	2.088.503	81.261.590
Ngân hàng NN&PT Nông thôn - PGD Nam Đò	-	4.200.161
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.126.509.000</b>	-
Tiền cho Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt vay	2.126.509.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.207.766.074</b>	<b>392.190.328</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	48.389.032.656	50.356.308.036
Nguyễn Ngọc Mẫn	-	171.308.036
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	820.063.000	2.650.000.000
Ông Nguyễn Văn Mừng	47.520.000.000	47.520.000.000
Các đối tượng khác	48.969.656	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.389.032.656</b>	<b>50.356.308.036</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.755.871	5.212.980
Công cụ, dụng cụ	5.940.000	20.250.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	990.738.778	1.797.877.278
Thành phẩm	60.915.251	60.736.379
Hàng hoá	7.672.193.987	15.440.136.597
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>8.732.543.887</b>	<b>17.324.213.234</b>
Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để vay vốn ngân hàng.		
<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.483.280	36.483.280
<b>Cộng</b>	<b>36.483.280</b>	<b>36.483.280</b>

B-C.T.  
TY  
ƯU HẠN  
INH GIÁ  
M  
P. HÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	1.996.114.081	5.120.412.851	5.564.286.764	176.613.428	12.857.427.124
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.025.963.248)	(1.219.052.437)	-	(5.245.015.685)
Giảm khác (*)	-	(37.360.000)	-	(110.128.383)	(147.488.383)
Số dư ngày 30/06/2013	1.996.114.081	1.057.089.603	4.345.234.327	66.485.045	7.464.923.056
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	1.996.114.081	4.698.265.480	4.758.850.500	175.695.654	11.628.925.715
Khấu hao trong kỳ	-	71.053.508	216.281.689	917.774	288.252.971
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.719.340.535)	(1.082.329.958)	-	(4.801.670.493)
Giảm khác (*)	-	(37.360.000)	-	(110.128.383)	(147.488.383)
Số dư ngày 30/06/2013	1.996.114.081	1.012.618.453	3.892.802.231	66.485.045	6.968.019.810
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2013	-	422.147.371	805.436.264	917.774	1.228.501.409
Tại ngày 30/06/2013	-	44.471.150	452.432.096	-	496.903.246

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.636.733.690 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

(\*) Giá trị giảm khác trong kỳ là các tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng, được thực hiện phân loại lại theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ".

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án Logistis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	215.207.732
<b>Cộng</b>	<b>215.207.732</b>	<b>215.207.732</b>

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

7.1 Đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ phần trăm biểu quyết	Tỷ lệ phần trăm vốn	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	100%	100%	31.000.000.000	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt	90%	90%	26.052.205.013	12.361.205.013
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	80,6%	80,6%	33.250.000.000	33.250.000.000
<b>Cộng</b>			<b>90.302.205.013</b>	<b>76.611.205.013</b>

**7.2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	Tỷ lệ phần trăm vốn	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	34%	6.222.000.000	6.222.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	25%	3.060.000.000	3.060.000.000
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin	24%	12.897.936.000	12.897.936.000
<b>Cộng</b>		<b>22.179.936.000</b>	<b>22.179.936.000</b>

**7.3 Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	4.368.243.996	-	1.452.457.000
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.915.786.996	-	2.915.786.996
<b>Cộng</b>	-	<b>4.368.243.996</b>	-	<b>4.368.243.996</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

(tiếp theo)

**7.4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	(8.490.234.894)	(12.770.162.716)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	(22.162.936.394)	(18.269.158.864)
<b>Cộng</b>	<b>(30.653.171.288)</b>	<b>(31.039.321.580)</b>

**8. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>94.708.823.782</b>	<b>158.835.088.891</b>
<b>VND</b>		
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long(1)	41.918.182.516	70.874.309.312
- Vũ Hồng Thủy	1.783.952.522	1.745.021.913
- Nguyễn Vũ Giang	590.835.997	82.749.709
- Các đối tượng khác	2.913.012.747	3.696.791.157
<b>USD</b>		
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (2)	20.127.280.000	20.004.740.000
- Ngân hàng Indovina -CN Đống Đa(3)	27.375.560.000	62.431.476.800
- Lê Thị Tuyết	-	-
<b>Cộng</b>	<b>94.708.823.782</b>	<b>158.835.088.891</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Đến thời điểm 30/06/2013 trong tổng số vay bằng VND có 15.813.800.000 đồng đã gia hạn thanh toán và đã quá hạn thanh toán có 14.874.309.312 đồng.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Đến thời điểm 30/06/2013 trong tổng số vay bằng USD có 959.000USD đã quá hạn thanh toán.

(3) Vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 015/IVBMD-HĐHM/2013, Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, Thời gian giải ngân đến hết ngày 28/2/2014, Mục đích vay: Tài trợ cho một phần vốn lưu động của bên vay, Lãi suất vay: 14% cho 360 ngày đối với các khoản vay VND và 6,5% cho 360 ngày đối với các khoản vay USD, Thời hạn các khoản vay thông thường (theo Giấy cam kết trả nợ) không được quá 180 ngày, Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại khu Công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với tổng giá trị ước tính là 56.986.163.000 VND; Quyền thuê đất (82.000 m2) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại khu Công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Quyền sử dụng 42.350 m2 đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 19.216.312.500 VND; Toàn bộ tồn kho hàng hóa của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa.

120  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1.980.984.489	218.405.435
Thuế thu nhập cá nhân	138.127.569	141.659.476
<b>Cộng</b>	<b>2.119.112.058</b>	<b>360.064.911</b>

  

10. Chi phí phải trả	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.947.692.095	5.056.455.808
<b>Cộng</b>	<b>8.947.692.095</b>	<b>5.056.455.808</b>

  

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	51.943.854	44.406.204
Bảo hiểm xã hội	196.979.390	214.377.344
Các khoản phải trả, phải nộp khác	186.257.926	427.141.905
<b>Cộng</b>	<b>435.181.170</b>	<b>685.925.453</b>

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	2.741.192.573	116.754.043.373
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗi trong năm trước	-	-	(34.895.746.623)	(34.895.746.623)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận từ công ty con	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(340.327.625)	(340.327.625)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>(33.457.508.048)</b>	<b>80.555.342.752</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	4.130.845.981	4.130.845.981
Lợi nhuận từ công ty liên kết	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2013</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>(29.326.662.067)</b>	<b>84.686.188.733</b>

228-C  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 THÉP BẮC VIỆT  
 HÀ NỘI  
 TP.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
<b>Cộng</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>97.509.480.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>97.500.000.000</b>	<b>97.500.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	97.500.000.000	97.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	97.500.000.000	97.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không

**đ) Cổ phiếu**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**e) Các quỹ của công ty**

	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 30/06/2013
	Quỹ đầu tư phát triển	6.719.029.425	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	1.137.798.402	-	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn CSH	150.037.319	-	-	150.037.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.006.865.146</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.006.865.146</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

(tiếp theo)

**\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 75% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ thưởng ban điều hành của Công ty, được trích lập bằng 05% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	36.213.277.394	192.327.338.134
<b>Cộng</b>	<b>36.213.277.394</b>	<b>192.327.338.134</b>
14. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	51.218.436	-
<b>Cộng</b>	<b>51.218.436</b>	<b>-</b>
15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	36.162.058.958	192.327.338.134
<b>Cộng</b>	<b>36.162.058.958</b>	<b>192.327.338.134</b>
16. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	37.233.522.822	188.901.364.865
<b>Cộng</b>	<b>37.233.522.822</b>	<b>188.901.364.865</b>
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	307.236.480	22.694.043





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013  
(tiếp theo)

Lãi bán hàng trả chậm	4.606.084.417	11.240.009.717
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.363.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.919.683.897</b>	<b>11.262.703.760</b>
<b>18. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	5.858.218.497	12.192.602.318
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	377.525.661	302.094.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	638.048.000	-
Dự phòng đầu tư dài hạn	(386.150.292)	-
Lãi trả chậm bảo hiểm	13.890.896	-
<b>Cộng</b>	<b>6.501.532.762</b>	<b>12.494.696.622</b>
<b>19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	51.900.019.980	203.590.052.938
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	47.065.041.999	206.229.471.061
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.834.977.981	(2.639.418.123)
Chuyển lỗ từ năm trước	(4.834.977.981)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<b>20. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	1.292.192.998	1.729.874.725
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.252.971	407.941.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.827.981.582	2.695.592.594
Chi phí khác bằng tiền	182.345.672	-
<b>Cộng</b>	<b>3.590.773.223</b>	<b>4.833.408.608</b>
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**  
**(tiếp theo)**

**21. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.9, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.207.766.074	392.190.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.723.688.279	176.158.690.690
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.368.243.996	4.368.243.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>111.299.698.349</b>	<b>180.919.125.014</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	94.708.823.782	158.835.088.891
Phải trả người bán và phải trả khác	4.444.599.734	15.280.586.584
Chi phí phải trả	8.947.692.095	5.056.455.808
<b>Tổng Cộng</b>	<b>108.101.115.611</b>	<b>179.172.131.283</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**  
 (tiếp theo)

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	47.502.840.000	82.436.216.800	7.981.766	91.353.762

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	4.444.599.734	-	4.444.599.734
Chi phí phải trả	8.947.692.095	-	8.947.692.095
Các khoản vay	94.708.823.782	-	94.708.823.782

8-C  
 TY  
 ƯU H  
 ĐỊNH  
 AM  
 2.2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013  
(tiếp theo)

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	15.280.586.584	-	15.280.586.584
Chi phí phải trả	5.056.455.808	-	5.056.455.808
Các khoản vay	158.835.088.891	-	158.835.088.891

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.207.766.074	-	2.207.766.074
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.723.688.279	-	104.723.688.279
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	392.190.328	-	392.190.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.158.690.690	-	176.158.690.690
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

22. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi trả chậm bảo hiểm	13.890.896	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	638.048.000	-

**VIII Các thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Quan hệ với Công ty	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết 8.405.919.314	38.256.860.685

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

(tiếp theo)

Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	7.389.484.896	7.415.075.555
Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	11.939.024.219	77.653.542.545
Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	381.839.125	-
<b>Mua hàng</b>			
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	5.743.151.145	1.871.488.752
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	16.794.857.270	56.797.402.950
Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	2.006.465.787	8.568.419.882
Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Công ty con	-	9.993.273.720
<b>Lãi bán hàng trả chậm</b>			
Lãi bán hàng trả chậm công TNHH kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	1.238.552.292	6.241.246.203
Lãi bán hàng trả chậm công CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	3.367.532.125	4.998.763.514
<b>Các khoản vay</b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	2.307.532.604	-
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	10.763.000.000	-
<b>Lãi cho vay</b>			
Lãi cho vay công TNHH kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	272.914.569	23.524.223
Lãi cho vay công CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	29.208.350	67.753.664
<b>Bán thanh lý tài sản</b>			
Bán tài sản cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	10.033.000.000	-

Trong năm Công ty bán thanh lý tài sản cho Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt là Công ty liên kết với tổng giá trị bán là 10.033.000.000. Nguyên giá tài sản cố định là 5.245.015.685 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao là 306.622.713 đồng.

**1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm**

**Từ 01/01/2013  
đến 30/06/2013**

**VND**

Lương	104.309.420
<b>Cộng</b>	<b>104.309.420</b>

1012  
CỔ  
TỔNG KẾ TOÁN  
VIỆ  
GIÁ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

1.3 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	3.530.027.063	33.225.031.976
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	49.215.570.672	78.736.238.695
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	2.859.674.297	11.617.863.052
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	Đầu tư dài hạn khác	503.504.125	503.504.125
Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	Công ty Con	820.063.000	2.650.000.000
Ông Nguyễn Văn Mừng	Phó phòng Kinh doanh	47.520.000.000	47.520.000.000
<b>Phải thu khoản cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	2.126.509.000	-
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	Công ty liên kết	14.558.665	-
<b>2. Những thông tin khác</b>			
<b>2.1 Phải thu của khách hàng</b>			
		30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 2		-	68.831.400
Công ty CP Thương mại Bắc Việt		2.859.674.297	11.617.863.052
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt		3.530.027.063	33.225.031.976
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt		49.215.570.672	78.736.238.695
Nhà máy Chế tạo Thiết bị nâng hạ		1.280.406.080	1.280.406.080
Công ty TNHH xây dựng SEOGWOO		281.660.939	482.728.027
Công ty TNHH TM và VT Công Nghiệp		41.529.744	100.738.227
Công ty TNHH Nhà thép Tiền Chế Zamil Việt Nam		-	436.232.720
Các đối tượng khác		1.505.261.124	2.051.441.101
<b>Cộng</b>		<b>58.714.129.919</b>	<b>127.999.511.278</b>
<b>2.2 Trả trước cho người bán</b>			
		30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Khách sạn Bộ xây dựng Sầm Sơn Thanh Hóa		50.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
<b>2.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>			
		30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng		391.708.933	400.843.600
Ngô Xuân Thọ		15.000.000	15.000.000
Tạ Anh Tuấn		144.183.600	144.183.600
Nguyễn Xuân Khang		15.000.000	15.000.000

2228  
CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
VIỆT NAM  
TP.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Ngô Xuân Lộc	41.000.000	41.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Hà	6.000.000	6.000.000
Trần Anh Vương	14.865.333	-
Nguyễn Văn Mừng	7.750.000	37.750.000
Vũ Văn Tiến	8.000.000	8.000.000
Các đối tượng khác	139.910.000	133.910.000
<b>Cộng</b>	<b>391.708.933</b>	<b>400.843.600</b>
<b>2.4 Phải trả người bán</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Bóng Đá Hoà Phát	55.000.000	55.000.000
Công ty CP Thép Chương Dương	49.907.692	49.907.692
Công ty TNHH TM Đồng Đạt	-	1.510.995.758
Công ty CP Giao nhận kho vận hàng không	2.338.952.000	-
Công ty CP Thép và Vật Tư	12.656.917	-
Công ty TNHH Vĩnh Trường Thịnh	30.000.000	60.000.000
Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà	-	10.777.708.765
Công ty Cổ Phần Kim khí Hà Nội	543.960.000	543.960.000
Công ty Salzgitter Mannesmann International	-	-
Công ty Wuxi Zonhai Intl Corporation, Ltd	270.137.000	270.137.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	14.558.665	-
Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	255.800.300	1.255.800.300
DNTN - XN Cơ Kim Khí Hồng Xuân	415.353.874	-
Các đối tượng khác	23.092.116	71.151.616
<b>Cộng</b>	<b>4.009.418.564</b>	<b>14.594.661.131</b>
<b>2.5 Người mua trả tiền trước</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng Hà Nội	-	2.019.339
Các đối tượng khác	-	2.475.747
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.495.086</b>
<b>2.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.292.192.998	1.729.874.725
Chi phí khấu hao TSCĐ	288.252.971	407.941.289
Chi phí dự phòng	182.345.672	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.827.981.582	2.695.592.594
<b>Cộng</b>	<b>3.590.773.223</b>	<b>4.833.408.608</b>

C.T.  
 HẠN  
 H GIÁ  
 HÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**  
 (tiếp theo)

**2.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	10.818.277.125	-
Thu nhập khác	-	11.044
<b>Cộng</b>	<b>10.818.277.125</b>	<b>11.044</b>

**2.8 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	443.345.192	-
Chi phí khác	-	966
<b>Cộng</b>	<b>443.345.192</b>	<b>966</b>

**2.9 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Kê toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Giám đốc



Trần Anh Vương

